

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐÀO THỊ MỸ DUNG

**NHẬN DIỆN MỐI TƯƠNG TÁC GIỮA TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO VÀ
CHUẨN MỰC CỦA CỘNG ĐỒNG KHOA HỌC**

Chuyên ngành: Quản lý Khoa học và Công nghệ

Mã số: Thí điểm

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Hà Nội - 2020

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học
Khoa học Xã hội và Nhân văn

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Mai Hà

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Phản biện:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án
tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
vào hồi..... giờ ngày thángnăm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trải qua gần hai nghìn năm du nhập vào nước ta, Phật giáo đã trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần hình thành một quan niệm sống và sinh hoạt con người Việt Nam. Có thể nói, Phật giáo được xem là một trong những nhân tố quan trọng góp phần định hình nên các quan niệm, chuẩn mực, giá trị đạo đức trong xã hội. Bên cạnh niềm tin tâm linh, Phật giáo còn đề cập đến những chuẩn mực đạo đức mang tính xã hội như trung thực, nhân ái, hướng tới cái thiện, tránh xa điều ác... Toàn bộ những giá trị này được kết tinh, thể hiện trong triết lý Phật giáo.

Trong những năm qua nền giáo dục và khoa học kỹ thuật thế giới phát triển như vũ bão, nếu như những năm 90 của thế kỷ trước, cứ 7 năm thì người ta thay đổi và có hướng phát triển giáo dục một lần; đến những năm cuối thế kỷ 20 con số rút ngắn lại chỉ còn 5 năm; và đến những năm của thế kỷ 21 thì con số này thay đổi và dừng lại ở con số 2 năm. Qua đó chứng minh một điều rằng, xã hội phát triển, khoa học tiến bộ dẫn đến các ứng dụng trong mọi mặt của đời sống phải thay đổi nhanh chóng. Tuy nhiên, thay đổi theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Công nghệ tiên tiến của thế giới đang trên đà phát triển không ngừng, nhu cầu xã hội tăng cao, dịch vụ phát triển rộng rãi, người ta không còn chú ý tới số lượng mà thay vào đó là chất lượng. Câu hỏi đặt ra là Phật giáo thể hiện vai trò của mình như thế nào trong xã hội? Phật giáo đóng góp như thế nào trong sự phát triển của xã hội?

Khoa học đã trải qua một thời gian dài bị tôn giáo và rất nhiều yếu tố khác chi phối, và cũng tốn ngần ấy thời gian để chứng minh sự độc lập trong nghiên cứu và kết quả nghiên cứu khoa học của mình với chính tôn giáo và các khía cạnh kinh tế - chính trị - xã hội khác. Tuy nhiên, khoa học có nên được độc lập và tự do tuyệt đối như vậy hay không, thì có lẽ là câu trả lời là không. Bởi trong thực tế, đạo đức vẫn ràng buộc khoa học, pháp luật vẫn ràng buộc khoa học, tôn giáo cũng có những ràng buộc nhất định đối với khoa học, và khoa học thực ra cũng cần những ràng buộc như vậy.

Lệch chuẩn xã hội là hiện tượng phổ biến ở mọi lĩnh vực, ở tất cả các xã hội và các nhóm đối tượng khác nhau trong đó có lệch chuẩn trong khoa học. Lệch chuẩn trong khoa học là một hiện tượng xã hội cần thiết được nghiên cứu. Bởi Cộng đồng khoa học được xem là một trong những Cộng đồng có nhiều nét đặc thù nhất. Đó là cộng đồng luôn hướng tới sự tìm tòi, khám phá bằng lao động trí tuệ và đóng góp cho nhân loại những sản phẩm tinh thần bất diệt. Cộng đồng này luôn chiếm giữ những vị trí ưu ái của nhân loại, họ luôn được trân trọng, tôn vinh [Vũ Cao Đàm, 2008].

Những năm gần đây, khoa học và công nghệ là một trong những lĩnh vực được Nhà nước quan tâm đầu tư lớn. Hàng năm, lĩnh vực này được đầu tư khoảng 2% tổng chi ngân sách Nhà nước (tương đương 0,5% GDP), trong đó có một phần không nhỏ dành cho nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý các nhiệm vụ khoa học công nghệ không ngừng được đổi mới theo hướng tích cực, phù hợp với thực tiễn [Bộ Khoa học và Công nghệ, 2013]. Mặc dù có những mặt tích cực và những đóng góp của Cộng đồng khoa học nhưng trên thực tiễn cũng đặt ra nhiều vấn đề lệch chuẩn, vi phạm vào những chuẩn mực trong giới khoa học như: lệch chuẩn về mặt đạo đức, lệch chuẩn xã hội, lệch chuẩn về nhận thức, lệch chuẩn về kỹ thuật,...

Trong các tôn giáo ở Việt Nam, Phật giáo là một tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội của con người. Vì vậy, những giá trị đạo đức, giáo lý của Phật giáo không chỉ ảnh hưởng đến những tín đồ, Phật tử mà còn ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội nói chung ngay cả những người không theo tôn giáo. Cũng như vậy, giáo lý Phật giáo không chỉ mang tính định hướng, dẫn dắt cho tín đồ sống đúng chuẩn mực, đạo đức mà còn có vai trò kiểm soát hành vi con người một cách vô hình. Cũng giống như các thiết chế xã hội

khác, thiết chế tôn giáo đóng vai trò điều chỉnh hành vi ở chỗ định hướng con người tránh xa tội lỗi, hướng con người tới những giá trị tốt đẹp. Lịch sử nghiên cứu xã hội học đã chứng kiến nhiều nhà xã hội học kinh điển quan tâm nghiên cứu về chức năng kiểm soát xã hội của tôn giáo như Durkheim, Parsons, Luhmann. Những ý tưởng về thuyết chức năng tôn giáo dần dần được hình thành và phát triển; từ việc coi tôn giáo là một phương thức sản xuất ra chuẩn mực tập thể, ý thức xã hội, sáng tạo ra một trật tự xã hội, cho tới quan niệm cho rằng tôn giáo có khả năng tạo ra một hệ thống tín hiệu khiến cho người ta có thể nghĩ rằng xã hội có cơ sở giá trị của nó, rằng thế giới có tính thống nhất và phương hướng của nó [Sabino Acquaviva, Enzo Pace: 60 dẫn theo Đặng Hoàng Thanh Lan, 2014].

Thời gian qua, nghiên cứu về sai lệch xã hội nói chung được quan tâm khá nhiều từ các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tuy nhiên nghiên cứu về những sai lệch trong Cộng đồng khoa học còn chưa được quan tâm một cách thỏa đáng mới dừng lại ở một số bài viết mà chưa có những nghiên cứu chuyên sâu. Đặc biệt là hướng nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo và những sai lệch trong Cộng đồng khoa học còn khá mới mẻ.

Với những lý do trên, việc nghiên cứu: **“Nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học”** là việc làm cần thiết nhằm chỉ ra quan niệm, thực trạng hành vi sai lệch, mối tương tác giữa Phật giáo với hành vi lệch chuẩn khoa học và những yếu tố tác động đến sự sai lệch này.

2. Ý nghĩa của luận án

2.1. Ý nghĩa lý thuyết của luận án

Luận án có ý nghĩa lý thuyết như sau:

- Luận án góp phần hệ thống và phát triển một số cơ sở lý luận về nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và các chuẩn mực của Cộng đồng khoa học nhugóp phần hoàn thiện thêm về khái niệm triết lý Phật giáo, chuẩn mực Cộng đồng khoa học, sai lệch khoa học.

- Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm giàu có thêm nguồn tri thức khi nghiên cứu về từ thiện xã hội của Phật tử đã có trước đây.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Luận án có ý nghĩa thực tiễn trên các khía cạnh:

- Kết quả nghiên cứu đóng góp cho việc nâng cao tri thức, hiểu biết về mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học. Luận án giúp cho việc mô tả bức tranh khái quát về quan niệm, hành vi của Cộng đồng khoa học, niềm tin và đạo Phật,...

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho các cá nhân, tổ chức quan tâm khi nghiên cứu về Phật giáo và chuẩn mực khoa học.

2.3. Tính mới của luận án

Mặc dù chỉ đây chỉ là một nghiên cứu có tính chất khám phá song luận án cũng có những đóng góp nhất định về mặt lý luận cũng như nội dung. Những đóng góp mới của luận án được thể hiện ở những điểm sau:

- Luận án góp phần làm rõ quan niệm của Phật giáo về chuẩn mực đạo đức.

- Luận án góp phần xác định rõ mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

- Luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu xây dựng chuẩn mực của cộng đồng khoa học theo triết lý Phật giáo.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận án nghiên cứu và hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về chuẩn mực của cộng đồng khoa học, hệ thống triết lý Phật giáo liên quan đến giá trị đạo đức, nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, luận án có các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Hệ thống hóa một số khái niệm về triết lý Phật giáo, Tăng ni sinh, sai lệch trong cộng đồng khoa học, chuẩn mực của cộng đồng khoa học và lựa chọn phương pháp nghiên cứu nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

- Tìm hiểu đặc điểm nhóm cộng đồng người làm khoa học (giảng viên, tăng ni sinh) về đặc điểm nhân khẩu xã hội (giới tính, học vấn, độ tuổi) và đặc trưng tôn giáo (niềm tin, sự thực hành triết lý Phật giáo).

- Phân tích quan niệm, nhận thức và một số biểu hiện hành vi thực hiện chuẩn mực khoa học.

4. Phạm vi nghiên cứu

4.1. Phạm vi nghiên cứu về thời gian

Thời gian quan sát, thu thập thông tin, khảo sát đối tượng nghiên cứu từ 2018 – 2019.

4.2. Phạm vi nghiên cứu về không gian

Phạm vi không gian: Do hạn chế về nguồn lực cá nhân, cũng như với tính chất của nghiên cứu khám phá và đối tượng khảo sát là Tăng ni sinh nên không gian nghiên cứu được giới hạn phạm vi ở Học viện Phật giáo Việt Nam ở Hà Nội, Học viện Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh và giảng viên tại một số trường đại học ở Hà Nội.

4.3. Phạm vi nghiên cứu về nội dung

Trong giới hạn luận án tập trung làm sáng rõ một số nội dung sau: Niềm tin của đối tượng khảo sát đối với đạo Phật; Nhận thức về sai lệch chuẩn mực khoa học, Biểu hiện hành vi sai lệch trong khoa học, Vận dụng triết lý Phật giáo trong cuộc sống.

5. Đối tượng nghiên cứu và mẫu khảo sát

5.1. Đối tượng nghiên cứu: Nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học.

5.2. Khách thể nghiên cứu: Giảng viên và Tăng ni sinh

5.2. Đối tượng khảo sát: Giảng viên tại một số trường đại học và Tăng ni có tham gia học tập tại Học viện Phật giáo Việt Nam ở Hà Nội, Học viện Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Câu hỏi nghiên cứu

Liệu giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học có những đặc điểm nào chung, đặc điểm tương quan có thể vận dụng trong quá trình quản lý khoa học và công nghệ hay không?

7. Giả thuyết nghiên cứu

Chuẩn mực của cộng đồng khoa học có mối tương tác với các triết lý Phật giáo. Cụ thể:

Triết lý Phật giáo về Duyên khởi (interdependent co-arising), mọi sự vật hiện tượng đều không mang tính độc lập (not independent) và không có cái riêng của nó (not self), có mối tương tác như thế nào với chuẩn mực tính Cộng đồng (Communalism) trong cộng đồng khoa học.

Triết lý Phật giáo về thực tập Giới không sử dụng thành quả lao động của người khác (not taking possession of anything trong Ngũ giới (Five precepts) và thực tập Chính nghiệp (Right Action), dạy con người không được chiếm đoạt thành quả lao động của người khác có mối tương tác như thế nào với chuẩn

mục tính Phổ biến (Universalism) trong cộng đồng khoa học.

Triết lý Phật giáo về thực tập Chính kiến (Right View), Chính tư duy (Right Mindfulness) khuyên mọi người có nhìn nhận đúng vấn đề, không thiên vị cá nhân có mối tương tác như thế nào với chuẩn mực Tính Không thiên kiến (Dissinterestedness) trong cộng đồng khoa học.

Triết lý Phật giáo về thực tập Vô thường (impermanence), mọi sự vận hiện tượng đều thay đổi trong từng giây và thực tập tinh tấn Văn, Tư, Tu (learning, reflecting and practicing), buộc con người phải học hỏi, phải có tiến bộ để tồn tại có mối tương tác như thế nào với chuẩn mực Tính Độc đáo (originality) trong cộng đồng khoa học.

Triết lý Phật giáo về thực tập Chính niệm (Right Thought) khuyên con người phải luôn tự nhủ công việc mình đang làm phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực có mối tương tác như thế nào với chuẩn mực Tính Hoài nghi (skepticism) trong cộng đồng khoa học.

8. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

8.1. Các hướng tiếp cận chủ yếu được sử dụng, bao gồm:

- Tiếp cận hệ thống
- Tiếp cận thực tiễn
- Hướng tiếp cận liên ngành

8.2. Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp khảo sát trực tiếp
- Phương pháp hội thảo khoa học
- Phương pháp phỏng vấn

9. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

Chương 4: Một số giải pháp ngăn ngừa hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO VÀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CỦA CỘNG ĐỒNG KHOA HỌC

Trong quá trình tìm hiểu tài liệu về vấn đề này, có thể thấy, nghiên cứu về Phật giáo và hoạt động khoa học thường tập trung vào một số nhóm vấn đề như sau: Những nghiên cứu về triết lý Phật giáo; chuẩn mực của cộng đồng khoa học, mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học. Phần tổng quan dưới đây sẽ làm rõ những hướng nghiên cứu đó.

1.1. Các công trình khoa học đã công bố ở nước ngoài

- Các công trình nghiên cứu công bố ở nước ngoài đã phân tích nghiên cứu về Triết lý Phật giáo, khái niệm chuẩn mực, chuẩn mực của cộng đồng khoa học, mối tương tác giữa Triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học; về cơ bản đã đề cập đến các khái niệm, nhưng cách tiếp cận khác nhau, đặc biệt cách tiếp cận khác biệt với các công trình công bố trong nước.

- Tuy nhiên việc nghiên cứu chỉ là ý tưởng bước đầu, các học giả nước ngoài vẫn chưa có nghiên cứu nào cụ thể đề cập đến việc nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

1.2. Nhận xét các công trình khoa học đã công bố trong nước

Có rất nhiều công trình nghiên cứu ở trong nước có đề cập đến chủ đề của luận án như:

+ Các nghiên cứu về Triết lý Phật giáo;

+ Các nghiên cứu về chuẩn mực.

+ Các nghiên cứu về chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

+ Các nghiên cứu về mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học

- Như đã đề cập ở trên, có rất nhiều nghiên cứu cũng như các quan điểm của các học giả về chuẩn mực xã hội nói chung và chuẩn mực trong hoạt động khoa học. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến việc nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

1.3. Những điểm mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết

Từ những phân tích trên, đặc biệt là “khoảng trống” của những nghiên cứu đã công bố, luận án “*Nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học*” có nhiệm vụ chủ yếu (chỉ phân tích những điểm khác biệt của luận án với những công trình khoa học đã công bố ở nước ngoài và trong nước), đó là:

1.3.1. Về cơ sở lý thuyết

Như đã phân tích, các nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài và trong nước (kể cả nghiên cứu của chính tác giả) chưa đề cập đến nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học. Do đó, về cơ sở lý thuyết, luận án có nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa một số khái niệm về triết lý Phật giáo, Tăng ni sinh, sai lệch trong cộng đồng khoa học, chuẩn mực của cộng đồng khoa học và lựa chọn phương pháp nghiên cứu nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

- Tìm hiểu đặc điểm nhóm cộng đồng người làm khoa học (giảng viên, tăng ni sinh) về đặc điểm nhân khẩu xã hội (giới tính, học vấn, độ tuổi) và đặc trưng tôn giáo (niềm tin, sự thực hành triết lý Phật giáo).

- Phân tích quan niệm, nhận thức và một số biểu hiện hành vi thực hiện chuẩn mực khoa học.

- Đề xuất giải pháp ngăn ngừa hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học.

1.3.2. Về cơ sở thực tiễn

- Làm rõ quan niệm của Phật giáo về chuẩn mực đạo đức.
- Xác định rõ mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu xây dựng chuẩn mực của cộng đồng khoa học theo triết lý Phật giáo.

Tiểu kết chương 1:

Qua việc tổng quan cho thấy, mặc dù đã có những khởi đầu trong việc nghiên cứu mối liên hệ giữa triết lý Phật giáo và vấn đề đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp. Tuy nhiên việc nghiên cứu chỉ là ý tưởng bước đầu, các học giả nước ngoài vẫn chưa có nghiên cứu nào cụ thể đề cập đến việc nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

Nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học là một vấn đề mới. Do đó, cần thiết phải có một công trình khoa học nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học, từ đó làm cơ sở vận dụng xây dựng giải pháp hình thành chuẩn mực cộng đồng khoa học. Các đề tài, công trình nghiên cứu đề cập ở chương tổng quan sẽ là nguồn tư liệu quý để tác giả luận án có những luận chứng cụ thể khi triển khai các nội dung trong luận án của mình.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO VÀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CỦA CỘNG ĐỒNG KHOA HỌC

Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài, cần làm rõ các khái niệm triết lý Phật giáo; chuẩn mực khoa học; lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học; Mối tương tác giữa Triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học. Bên cạnh đó, tác giả đã kết hợp một số quan điểm tư tưởng về triết lý Phật giáo; lý thuyết kiểm soát xã hội; lý thuyết sai lệch. Và phần cuối chương bàn đến phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.

2.1. Hệ khái niệm

2.1.1. Khái niệm Triết lý Phật giáo

Đạo Phật không chỉ là một tôn giáo mà còn là một trào lưu triết học trên cơ sở kế thừa những nền tảng tư tưởng truyền thống của Ấn Độ cổ. Tư tưởng của Phật giáo được tổng hợp trong bộ Tam tạng kinh, nhờ đó Phật giáo được coi như một tôn giáo tiêu biểu cho ý thức hệ tư tưởng tiến bộ.

Nhóm học trò của Achaan Sujin Borihann Wanaket đã cho ra đời cuốn Đạo Phật trong đời sống hàng ngày đã chỉ ra giáo lý cơ bản của Phật giáo, những điều thiện, Đức Phật, Đức pháp, Đức tăng, cái chết, điềm lành tối thượng,... quan trọng hơn cả là năm điều con người cần phải giữ:

1. Tránh xa sự sát sinh
2. Tránh xa sự trộm cắp
3. Tránh xa sự tà dâm
4. Tránh xa sự nói dối
5. Tránh xa sự uống rượu và dùng chất say

Như vậy, có thể hiểu Triết lý Phật giáo là hệ thống các quan điểm, tư tưởng của đạo Phật được thể hiện thông qua các giáo lý, giáo luật của đạo Phật.

2.1.2. Khái niệm chuẩn mực khoa học

Chuẩn mực là một khái niệm của xã hội học, là tập hợp những mong đợi, yêu cầu, quy tắc đối với hành vi của các thành viên trong xã hội. Chuẩn mực quy định cho mỗi thành viên những việc nào nên làm, không nên làm và cần xử sự như thế nào cho đúng trong mỗi tình huống xã hội. Chuẩn mực quy định những mục tiêu cơ bản, những giới hạn, những điều kiện và các hình thức ứng xử trong những lĩnh vực quan trọng nhất của đời sống đối với xã hội hoặc đối với nhóm xã hội. Chuẩn mực có thể xem là những mẫu mực, những mô hình của hành vi thực tế của con người như những chương trình hoạt động thực tiễn của họ khi gặp một tình huống cụ thể nào đó.

Robert K. Merton, một nhà xã hội học người Mỹ khái quát hóa thành bốn loại, sau được các môn đệ bổ sung thêm thành năm loại:

- Tính cộng đồng (Communalism)
- Tính phổ biến (Universalism)
- Tính không thiên kiến (Dissinterestedness)
- Tính độc đáo (Originality)
- Tính hoài nghi (Organized Skepticism)

Ngoài ra, ngược với chuẩn mực là các hành vi sai lệch chuẩn mực. Có nhiều kiểu sai lệch chuẩn mực (gọi tắt là *lệch chuẩn*). Người làm khoa học có thể lệch chuẩn do vô tình hoặc cố ý, cũng có thể do trình độ của phương tiện và phương pháp nghiên cứu.

Theo Vũ Cao Đàm, xét về mặt tác dụng của lệch chuẩn đến sự tiến bộ của khoa học, người ta phân thành lệch chuẩn tích cực và lệch chuẩn tiêu cực. Xét theo nhân tố chủ quan của người nghiên cứu, người ta phân chia bốn loại lệch chuẩn sau:

- Lệch chuẩn nhận thức, là loại lệch chuẩn phát sinh do nhận thức của người nghiên cứu: có thể do người nghiên cứu có được nhận thức đi trước cộng đồng (lệch chuẩn tích cực), có trường hợp do người nghiên cứu thiếu kiến thức, thiếu thông tin (lệch chuẩn tiêu cực).

- 1) Lệch chuẩn nhận thức.
- 2) Lệch chuẩn kỹ thuật.
- 3) Lệch chuẩn xã hội.
- 4) Lệch chuẩn đạo đức.

Lệch chuẩn nào cũng có thể dẫn đến những thành quả hoặc thiệt hại ở các mức độ rất khác nhau, vào vậy, dạng lệch chuẩn nào cũng có mức độ tán thưởng (lệch chuẩn tích cực) hoặc có thể lượng thứ hoặc không thể lượng thứ (lệch chuẩn tiêu cực).

2.1.3. Lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học

Có nhiều kiểu sai lệch chuẩn mực (gọi tắt là lệch chuẩn). Người làm khoa học có thể lệch chuẩn do vô tình hoặc cố ý, cũng có thể do trình độ của phương tiện và phương pháp nghiên cứu. Có bốn loại lệch chuẩn sau:

- 1) Lệch chuẩn nhận thức.
- 2) Lệch chuẩn kỹ thuật.
- 3) Lệch chuẩn xã hội.
- 4) Lệch chuẩn đạo đức.

Mỗi kết luận sai lệch về khoa học có thể xuất hiện chỉ do một dạng lệch chuẩn, song có những kết luận sai lệch xuất hiện là do một số dạng lệch chuẩn, chẳng hạn, vừa lệch chuẩn kỹ thuật, vừa lệch chuẩn nhận thức, và có cả lệch chuẩn đạo đức và lệch chuẩn xã hội.

2.1.4. Mối tương tác giữa Triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học

Trong nghiên cứu này, mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học được tìm hiểu là sự tương đồng và ảnh hưởng của những triết lý Phật giáo (*Tứ diệu đế; Bát chánh đạo; Thuyết luân hồi; Luật nhân quả- nghiệp báo; Thuyết duyên khởi*) đến việc thực hiện những chuẩn mực trong cộng đồng khoa học của các Tăng ni sinh, giảng viên và nghiên cứu viên.

2.2. Một số tư tưởng và triết lý Phật giáo

2.2.1. Tứ diệu đế

Tứ Diệu Đế (The Four Noble Truths) là lời dạy đầu tiên của Đức Phật cho những học trò của mình mà ông đã khám phá ra trong khi đấu tranh cho sự giác ngộ, đó là những lời dạy vô cùng quan trọng trong Phật giáo.

Tứ diệu đế còn được gọi là Tứ chân đế, Tứ thánh đế, Bốn chân lý màu nhiệm, bao gồm: 1- *Khổ đế (Dukkha)*: là thực trạng đau khổ của con người. 2- *Tập đế (Samudaya)*: là nguồn gốc hay nguyên nhân dẫn đến thực trạng đau khổ. 3- *Diệt đế (Nirodha)*: là sự kết thúc hay sự chấm dứt khổ đau. 4- *Đạo đế (Magga)*: là con đường hay phương pháp thực hành dẫn đến chấm dứt khổ đau.

2.2.2. Bát chánh đạo

Bát chánh đạo là con đường để thoát khỏi khổ đau trong cõi trần, dù được gọi là con đường nhưng nó không phải là một quá trình luyện tập tuần tự mà là tám khía cạnh khác nhau trong cuộc sống. Tám khía

cạnh của Bát chánh đạo bao gồm: *Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.*

2.2.3. Thuyết luân hồi

Luân là bánh xe, hồi là lăn tròn. Luân hồi là sự lặp đi lặp lại của các kiếp sống. Bởi quan điểm của Phật giáo thì con người không chỉ có mặt ở kiếp sống này một lần mà trở đi trở lại nhiều lần trong sáu cõi: *Trời, Người, A-tu-la, Ngạ quỷ, Súc sinh và Địa ngục*, đây là 6 cõi mà con người phải trở đi trở lại. Vì vậy, vòng luân hồi chỉ có thể được chấm dứt bằng con đường tu tập theo chính pháp, giữ giới, thực hành thiện định.

2.2.4. Luật nhân quả- nghiệp báo

Khái niệm nhân quả, nghiệp đã được nói đến trước khi Phật giáo ra đời rất lâu trong các kinh điển Vệ Đà. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người nhấn mạnh lại và khẳng định lại tính hiện hữu của nó, coi nó như một đạo luật của thế giới tự nhiên. Đó là cán cân quyền lực tạo ra sự công bằng cho vũ trụ mà không có vị thần, Phật nào có thể can thiệp và thay đổi được. Vì vậy, con người chính là chủ nhân tạo ra số phận của mình.

Chính những quan điểm của Phật giáo về nhân quả, nghiệp báo đã cho thấy tinh thần nhân văn, khoa học của Phật giáo khi coi con người là chủ nhân trong cuộc sống của họ, tạo ra cuộc sống của họ theo ý họ muốn. Phật giáo đã chỉ ra những nguyên nhân, đau khổ cho con người và cũng đồng thời chỉ ra con đường để giải thoát những nỗi khổ ấy.

2.2.5. Thuyết duyên khởi

Đây là một giáo lý căn bản của Phật giáo. Duyên khởi hay nhân duyên sinh để chỉ sự có mặt hay đoạn diệt của các sự vật, hiện tượng trong thế giới và trong chính bản thân con người. Mọi vật trong vũ trụ đều được hình thành do nhân duyên như vậy. Theo quan điểm của Phật giáo bao gồm 12 nhân duyên là: *Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục thập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão - Tử.*

2.4. Lý thuyết áp dụng

2.4.1. Lý thuyết sự kiểm soát xã hội

Mặc dù có những phê phán song không thể phủ nhận vai trò của lý thuyết kiểm soát xã hội. Trong nghiên cứu này, lý thuyết kiểm soát xã hội được áp dụng để giải thích về hành vi sai lệch chuẩn mực khoa học theo quan điểm của Hirschi dựa trên bốn dạng kiểm soát xã hội và quan điểm của Nguyễn Chí Dũng cùng cộng sự (2010) về yếu tố kiểm soát bên trong và kiểm soát bên ngoài. Lý thuyết giúp cho việc làm rõ yếu tố nào đóng vai trò kiểm soát hoặc ảnh hưởng đến sự thực hiện chuẩn mực trong cộng đồng khoa học

2.4.2. Lý thuyết sai lệch

Lý thuyết phi chuẩn mực (the Strain theory) của Robert K. Merton, tác giả cho rằng lệch chuẩn là kết quả của một khoảng trống giữa các mục tiêu của văn hóa với các phương tiện được chấp nhận để có thể đáp ứng được các mục tiêu đó (Hồ Diệu Thúy 2002, dẫn theo Nguyễn Thị Thu Trang cùng cộng sự 2016). Tác giả chỉ ra rằng, hành vi lệch chuẩn xuất hiện khi không có sự liên kết giữa các chuẩn mực văn hóa và khả năng tổ chức của các cá nhân hay nhóm xã hội trong việc đáp ứng các nhu cầu của họ và đó là sự không hòa hợp giữa mục đích và phương tiện sử dụng.

Trong nghiên cứu này, áp dụng lý thuyết phi chuẩn mực nhằm nhận diện dạng sai lệch trong thực hiện chuẩn mực khoa học.

2.5. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.5.1. Phương pháp tiếp cận

- Tiếp cận hệ thống
- Tiếp cận thực tiễn
- Hướng tiếp cận liên ngành

2.5.2. Các phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu tài liệu
- Khảo sát bằng phiếu trưng cầu ý kiến
- Nguyên tắc xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến
- Lựa chọn địa bàn khảo sát
- + Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội
- + Học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.5.3. Phương pháp xử lý thông tin

Dữ liệu sau khi thu về được xử lý bằng phần mềm SPSS for Window phiên bản 20.0 với các phép thống kê, mô tả, trung bình, trung vị, tương quan, theo yêu cầu của nghiên cứu. Kiểm định Chi-Square (χ^2) được dùng để tìm hiểu mối liên hệ giữa các nhóm khách thể và thực hành những sai lệch chuẩn mực khoa học.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phép kiểm định Anova để so sánh sự khác biệt về giá trị trung bình trong nhận thức về những biểu hiện lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học giữa các nhóm khách thể giảng viên, nghiên cứu viên, tăng ni sinh.

Tiểu kết

Chương 2 trình bày khái quát về cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu được sử dụng. Cơ sở lý luận phân tích làm rõ các khái niệm được sử dụng trong nghiên cứu. Khái niệm về triết lý Phật giáo, chuẩn mực khoa học, sai lệch trong cộng đồng khoa học và mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học. Các lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: lý thuyết kiểm soát xã hội; lý thuyết sai lệch giúp cho việc giải thích, phân tích về những biểu hiện sai lệch trong cộng đồng khoa học. Tóm lại, cơ sở về mặt lý luận cùng với thực trạng sẽ vẽ lên bức tranh tổng quát về những triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

CHƯƠNG 3

NHẬN DIỆN MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO VÀ CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CỦA CỘNG ĐỒNG KHOA HỌC

Nếu hiểu triết lý theo nghĩa cốt tủy, cô đọng thì triết lý Phật giáo là những tư tưởng cốt tủy, cô đọng nhất của Phật giáo về điều chỉnh hoạt động của con người trước hoàn cảnh tự nhiên và xã hội để loại bỏ khổ đau hướng tới cuộc sống an lạc, hạnh phúc. Triết lý Phật giáo được quy định bởi những giá trị chuẩn mực thực hành theo tự nguyện của niềm tin tâm linh.

Trong xã hội mỗi cộng đồng có những loại chuẩn mực khác nhau. Tùy mức độ nghiêm ngặt của mỗi cộng đồng mà số tiêu chí của chuẩn mực và cấp độ mỗi chuẩn mực có khác nhau. Trong các cộng đồng khác nhau, nhưng có những chuẩn mực chung như đạo đức, tính cộng đồng, tính phổ biến...

Chuẩn mực của cộng đồng khoa học là tập hợp những quy tắc, yêu cầu và sự mong đợi đối với từng thành viên tham gia cộng đồng khoa học phải thực hiện..

3.1. Tương đồng và khác biệt giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học

Triết lý của Đức Phật được gọi là triết lý Phật giáo xếp cùng với nhiều “tôn giáo” khác đã làm cho không ít người hiểu lầm Phật giáo là tôn giáo thuần túy mà không hiểu rằng đạo Phật được xếp vào hàng các tôn giáo vì có đủ các yếu tố giống như tôn giáo đó là: Giáo chủ, giáo lý, giáo luật, giáo lễ và giáo hội.

Tuy được gọi là tôn giáo, nhưng đạo Phật khác rất xa các tôn giáo duy tâm, đạo Phật không tin có thần thánh, ma quỷ chi phối đời sống con người, đạo Phật không tin thần thánh sinh ra thế giới mà thế giới là sự phát triển của môn vạn nhân duyên từ vô thủy và vô chung mà thành (Kinh thập nhị nhân duyên)

Xét ở góc độ *triết học* thì Phật giáo có thể giới quan duy vật đặt con người là chủ thể của xã hội, con người chịu trách nhiệm về cuộc sống và vận mệnh của mình “Tự thấp đước lên mà đi” (Kinh pháp hoa)

Xét ở góc độ *xã hội* thì Phật giáo là tôn giáo có tư tưởng bình đẳng xã hội nhất trong lịch sử “Máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn, thì không có đẳng cấp” (Kinh thập thiện)

Trong quan hệ xã hội, Phật giáo đề cao đạo đức qua lối sống lục hòa (sáu điều hòa thuận), qua thực hiện tâm từ bi, lòng vị tha...

Đối với khoa học thực nghiệm ngày nay, Phật giáo là một khoa tổng hợp, nhắc tới lĩnh vực nào của khoa học, khi nghiên cứu kỹ tính triết lý, kinh điển Phật giáo ta đều thấy Phật giáo đã đề cập tới: từ hơn 25 thế kỷ trước Đức Phật đã nói tới tiểu thiên thể giới (hạt nhân, điện tử), Địa thiên thể giới (vũ trụ); khi chưa có kính hiển vi mà Đức Phật đã biết trong nước trắng có sự sống (vi trùng), nên khi uống nước đã có câu chú để cầu cho sự sống trong nước vì người uống mà nó phải chết, thì khi chết nó được siêu sinh chuyển khiếp lạnh (Kinh thiện sinh).

Nói tới *giáo dục* Đức Phật có phương pháp khế lý (nói có lý), khế cơ (nói hợp căn cơ), khế thời (hợp thời), khế xứ (hợp phong tục địa phương) là phương pháp giảng dạy tổng quát phù hợp cho mọi thời đại, mọi lúc, mọi nơi vì thế Đức Phật đủ sức chinh phục các tôn giáo lúc bấy giờ. Nói tới y tế, Đức Phaattj được tôn là Đại y vương bởi Phật giáo chữa bệnh cho con người từ gốc, xóa bỏ tham, sân, si là căn nguyên của bệnh tâm để dẫn tới bệnh thân.

Nói tới *xây dựng xã hội* thì Phật giáo là tôn giáo hướng xã hội tới sự phát triển bền vững bởi thực hành cuộc sống theo phương châm “Tri túc” (biết đủ), không tham, sân, si. Sống hòa đồng con người và môi trường, môi sinh.

Mệnh danh là một tôn giáo, thực chất Phật giáo là một khoa học đa ngành, đa lĩnh vực. Tuy nhiên những vấn đề Phật giáo đưa ra là xuất phát từ trải nghiệm và nhận diện duy lý (không qua thực nghiệm).

Triết lý của Phật giáo tương đối bền vững và được khoa học thực nghiệm chứng minh, làm rõ qua thời gian. Chuẩn mực của cộng đồng khoa học là những quy định, yêu cầu và mong muốn đối với cộng đồng những người tham gia vào quá trình nghiên cứu khoa học. Chuẩn mực khoa học có sự khác biệt theo yêu cầu của từng quốc gia, từng vùng, chuyên ngành khoa học khác nhau và trong mỗi giai đoạn lịch sử chuẩn mực của cộng đồng khoa học có thể có những quy định, yêu cầu khác nhau.

Xét ở tính khác biệt: Triết lý Phật giáo là “khoa học tổng hợp” rất rộng được rút ra từ trải nghiệm sống và suy lý, những thiết thực với đời sống xã hội nên đượ xã hội đón nhận từ thực hiện từ hơn 25 thế kỷ qua. Triết lý Phật giáo khi được xếp vào tôn giáo việc thực hiện không chỉ là tuân theo, theo nhu cầu đạo đức mà còn trở thành động lực bởi nhu cầu tâm linh, niềm tin cho cuộc sống tương lai.

Đối với chuẩn mực của cộng đồng khoa học chỉ là những quy định, yêu cầu và mong muốn về phẩm chất năng lực của cá nhân mỗi con người tham gia vào cộng đồng khoa học (nhỏ so với xã hội)

Thực hiện chuẩn mực của cộng đồng khoa học là việc bắt buộc, vì tự do và lợi ích cá nhân việc thực hiện chuẩn mực của cộng đồng khoa học luôn có xu hướng bị vi phạm. Trong khi điều tiết thực hiện triết lý Phật giáo bằng niềm tin tâm linh tự giác thì thực hiện chuẩn mực của cộng đồng khoa học bằng các thiết chế, chế tài bắt buộc. Tính hiệu quả thực hiện chuẩn mực cộng đồng khoa học sẽ hạn chế hơn thực hiện triết lý Phật giáo.

Xét ở khía cạnh tương đồng: Triết lý Phật giáo dù rất rộng nhưng tập trung trong đề cập tới triết lý sống của con người mà những giá trị cốt lõi của đạo đức làm người được đề cập rất rõ, ở khía cạnh đạo đức trong triết lý Phật giáo không cụ thể cho chuẩn mực cộng đồng khoa học, nhưng lại rất gần và thiết thực với chuẩn mực cộng đồng khoa học như: Trung thực trong "ngũ giới" của Phật giáo có giới không nói dối, không trộm cắp. Đoàn kết trong Phật giáo có lục hòa (thân hòa cùng ở, khẩu hòa không tranh cãi; ý hòa cùng đồng thuận; giới hòa cùng tu hành; kiến hòa cùng nhận thức; lợi hòa cùng chia)

Tư tưởng, hành động, việc làm rõ ràng: Trong Phật giáo có Bát chính đạo (chính kiến là trí tuệ chân chính rõ ràng; chính tư duy là tư duy trong sáng, minh bạch; chính ngữ là lời nói đúng sự thật; chính nghiệp là nghề nghiệp thiện lương; chính mạng là cuộc sống thân xác chuẩn mực; chính tinh tấn là luôn cố gắng phát triển theo chiều hướng tốt; chính niệm là suy nghĩ, tư tưởng chân chính; chính định là tập trung tư duy, suy nghĩ đúng đắn sâu sắc) (Kinh di giáo)

Từ phân tích khác biệt và tương đồng giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học, như Chương 1 đã hạn chế tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học được giới hạn qua chuẩn mực đạo đức.

3.2. Tương tác triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học Phật giáo

Từ giới hạn Chương 1 đã nêu: nhận diện tương tác triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học là vấn đề không đơn giản, đòi hỏi phải có thời gian và phong trí thức Phật giáo cũng như chuẩn mực cộng đồng khoa học, không chỉ rộng mà đòi hỏi rất sâu, trong khuôn khổ của Luận án tiến sĩ khó thực hiện được trọn vẹn, bởi vậy Luận án chỉ giới hạn ở nhận diện tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học trong Phật giáo Việt Nam ở phạm vi hai Học viện Phật học ở Tp. Hà Nội và TP. HCM. Là hai trung tâm lớn đào tạo tài năng của Phật giáo Việt Nam ở trình độ cử nhân Phật học và đào tạo sau cử nhân ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ Phật học

Hiện tại hai học viện Phật Giáo ở TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đã đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học theo chủ trương được Thủ Tướng Chính Phủ cho phép từ năm 2017.

Đội ngũ giảng viên của các Học viện Phật Giáo ở Việt Nam hiện nay trình độ khá cao, chủ yếu học Tiến sĩ từ nước ngoài, có một số ít đào tạo trong nước. Một số giảng sư là các bậc cao tăng không có bằng

cấp cụ thể nhưng có kinh nghiệm tu hành và có khả năng truyền đạt kinh sách theo truyền thừa của Phật giáo. Số giảng sư Phật giáo không có bằng cấp hiện nay không nhiều nhưng trình độ Phật học của họ nhiều Tiến sĩ còn là học trò.

Hiện tại ở Học viện Phật giáo Hà Nội có 47 giảng viên trong đó Tiến sĩ 39 vị. Thạc sĩ 5 vị, không có bằng cấp 5 vị. Số các vị sư thỉnh giảng các môn Lịch Sử, Giáo dục công dân, Pháp luật, văn học hiện đại,... là các giáo viên thuộc các trường đại học có trình độ từ tiến sĩ trở lên. Ngoài độ ngũ giảng viên, Học viện Phật giáo Hà Nội có 4 lớp cao cấp, 2 lớp Thạc sĩ, 1 lớp NCS với gần 600 học viên. Học viện Phật giáo Hồ Chí Minh có 125 giảng viên có trình độ Tiến sĩ, 16 giảng viên trình độ Thạc sĩ, các giảng viên thỉnh giảng có trình độ từ Tiến sĩ trở lên. Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam như Tiến sĩ Lê Minh Chát là phó Chủ tịch Hiệp hội giảng sư Phật Giáo thế giới. Hiện tại Học viện có 3 lớp Thạc sĩ, 2 lớp NCS Tiến sĩ Phật học, 14 lớp cử nhân vừa tập trung vừa học từ xa, tổng số trên 3700 học viên.

Với số lượng thầy và trò như trên, với chức năng đào tạo khoa học Phật giáo và nhiều chuyên ngành khoa học khác có thể nói hai Học viện Phật giáo ở Hà Nội và TP.HCM là hai cộng đồng khoa học. Tuy nhiên giảng viên hai Học viện thường có trao đổi giao lưu nên có thể xem đây là một cộng đồng khoa học Phật giáo

Thực hiện nghiên cứu nhận diện tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học Phật giáo, NCS đã thực hiện điều tra xã hội học ở đối tượng giảng viên và học viên làm NCS, số lượng từng đối tượng cụ thể cho cả hai Học viện:

1. Giảng viên trình độ Tiến sĩ: 100 vị/104 vị chiếm 61% tổng số, trong đó:
 - + Học Phật học 56 vị chiếm 56% của 100 vị
 - + Học các ngành xã hội 44 vị chiếm 44% của 100 vị
2. Giảng viên có trình độ Thạc sĩ 11/21 vị chiếm 52.3%, trình độ Phật học 11/11 vị chiếm 100%
3. Giảng viên thỉnh giảng không học chuyên ngành Phật học: 8/10 vị chiếm 80%
4. Số học viên cao học 25/45 NCS chiếm 55.5%

Với số lượng và thành phần khảo sát theo mẫu chọn trên, đủ cơ sở để đại diện cho cộng đồng khoa học Phật Giáo như đã xác định. Tổng số 144 phiếu phỏng vấn được thực hiện không căn cứ vào lứa tuổi chỉ căn cứ vào trình độ, vị trí hành xuất gia hoặc không phải xuất gia.

Khảo sát thông qua phiếu được thực hiện từ tháng 6/10/2019 (Nội dung phiếu khảo sát tại phụ lục 2). Kết quả 144 phiếu khảo sát phát ra được thu về với kết quả nhận diện về tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học được thể hiện:

3.2.1. Khẳng định triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học tương tác:

Nhóm khẳng định có mối tương tác số lượng 3/144 thuộc trình độ NCS

Từ kết quả khảo sát về nhận diện tương tác giữa triết lý giữa triết lý Phật Giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học cho thấy cộng đồng khoa học trong Phật giáo nhận thức rất rõ về mối tương tác này.

3.2.2. Nhìn nhận giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học (chung)

Từ cộng đồng khoa học Phật giáo cho ta thấy qua kết quả khảo sát: Triết lý Phật giáo rộng hơn chuẩn mực cộng đồng khoa học có 142/144 khẳng định chiếm 98.6%

Điều đáng quan tâm 2/144 khẳng định triết lý Phật Giáo giống chuẩn mực của cộng đồng khoa học lại thuộc nhóm Tiến sĩ đào tạo chuyên ngành xã hội không chuyên về Phật giáo. Mặc dù là số lượng rất ít 2/144 chiếm tỉ lệ 1.4% song đây là những người đã gắn với Phật giáo, đi vào đời sống tu hành Phật giáo. Điều đó đặt ra một vấn đề những nhà khoa học không qua Phật giáo và cộng đồng khoa học ngoài Phật giáo sẽ có hiểu biết về lĩnh vực này kh nhiều.

3.2.3. *Nhìn nhận tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học:*

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức chuẩn mực khoa học không chấp nhận triết lý Phật giáo có ở 23/144 người trả lời chiếm 16% là điều đáng quan tâm. Đáng quan tâm hơn nữa là trong 23 người trả lời có 2 Tiến sĩ và 21 NCS với trình độ tiến sĩ và NCS nhưng là những người trong Phật giáo đưa ra nhận định chuẩn mực của cộng đồng khoa học không chấp nhận triết lý Phật giáo là vấn đề cần có trao đổi sâu hơn.

Tu sĩ Phật giáo nói chung và giới khoa học trong Phật giáo nói riêng khi trả lời chuẩn mực của cộng đồng khoa học không chấp thuận triết lý Phật giáo có thể do ba nguyên nhân:

Một là: xuất phát từ luật giáo dục không chấp nhận truyền bá tôn giáo trong trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, điều này làm cho họ nhầm lẫn triết lý Phật giáo không được đưa vào chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

Hai là: Nhận thức chưa đạt tới tầm triết lý Phật giáo có sự tương đồng với chuẩn mực của cộng đồng khoa học, họ chỉ nghĩ tới sự khác biệt khoa học và tôn giáo.

Ba là: thực tiễn hoạt động xã hội đang tạo nên khoảng cách giữa tôn giáo và khoa học làm cho triết lý Phật giáo bị chính chuẩn mực cộng đồng khoa học e ngại. Điều này tạo nên ngăn cách và vô hình mà không phải ai hoặc lúc nào cũng có thể vượt qua.

Trước thực trạng đó cần phải có sự quan tâm để điều chỉnh chính sách pháp luật tạo điều kiện cho giá trị tích cực của triết lý tôn giáo đi vào đời sống xã hội đặc biệt đi vào làm lành mạnh chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

3.2.4. *Môi trường cho tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học được các nhà khoa học Phật giáo nhìn nhận; có ý kiến đồng tình ở một số môi trường chính*

Phân tích qua trình độ và chuyên ngành khoa học cho thấy trình độ tiến sĩ có 7/144 không cho truyền thông là môi trường có tác dụng với tương tác; 21/144 vị là NCS chiếm 14.5%.

Điều này cho thấy truyền thông để đưa triết lý Phật giáo vào cộng đồng khoa học và chuẩn mực cộng đồng khoa học chưa thật sự hiệu quả, chính vì thế một bộ phận 33% chưa nhìn nhận truyền thông có tác dụng trong lĩnh vực tạo ra môi trường tương tác.

Trong thực tế ở Việt Nam mặc dù tôn giáo được quan tâm ở nhiều mặt nhưng truyền truyền về giá trị tích cực của tôn giáo còn nhiều e dè. Trong khi nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ có những kênh truyền thông và nhà xuất bản do tổ chức tôn giáo đứng ra tổ chức như Đài Loan, Nhật Bản... thì ở Việt Nam ta chưa cho phép.

3.2.5. *Hình thức cho mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học được các nhà khoa học Phật giáo nhìn nhận và lựa chọn ở bốn hình thức chính*

a. Thứ nhất: Triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học đều chủ động thâm nhập, tương tác lẫn nhau vì nhu cầu phát triển của cả hai bên.

b. Thứ hai: Triết lý Phật giáo chủ động đi vào chuẩn mực cộng đồng khoa học để khẳng định vị thế của Phật giáo.

c. Thứ ba: Triết lý Phật giáo chủ động đi vào chuẩn mực cộng đồng khoa học để thông qua khoa học khẳng định giá trị cốt lõi khoa học của Phật giáo.

d. Thứ tư: Chuẩn mực cộng đồng khoa học chủ động khai thác triết lý Phật giáo để xây dựng và phát triển chuẩn mực cộng đồng khoa học vững chắc.

Bốn hình thức trên đã được các nhà khoa học Phật giáo tại hai học viện Phật giáo ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho ý kiến.

Đánh giá thấp tính chủ động một phía của triết lý Phật giáo thâm nhập vào chuẩn mực khoa học hoặc chuẩn mực khoa học không chủ động tìm đến triết lý Phật giáo là điều đáng quan tâm hiện nay.

Theo ý kiến của Hòa thượng Thích Giác Toàn Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học, cơ chế xã hội tạo phân biệt tôn giáo với khoa học đã trở thành rào cản đối với tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học.

Hiện nay trong bối cảnh quốc tế nhìn nhận Phật giáo là tôn giáo điển hình từ ngày 15/12/1999 Đại hội đồng Liên hợp quốc đã nghị quyết xem Phật giáo là tôn giáo điển hình và Đức Phật là nhân vật tôn giáo được Liên hợp quốc tôn vinh; Hàng năm vào ngày trăng trong tháng 5 dương lịch (tương đương ngày trăng tròn Vesak theo lịch cổ Ấn độ). Tại trung tâm của Liên hợp quốc ở NewYork- Mỹ và các trung tâm Liên hợp quốc ở các châu lục sẽ kỷ niệm Đại lễ Vesak hay Đại lễ Tam hợp Đức Phật.

Việt Nam đã ba lần tổ chức Đại lễ Vesak vào các năm 2008, 2014, 2019 với những hoạt động đó, chắc chắn vai trò Phật giáo được đề cao. Khoa học và Phật giáo sẽ gắn với nhau nhiều hơn và triết lý Phật giáo sẽ gắn với chuẩn mực khoa học nhiều hơn.

Tuy nhiên để thực hiện được tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học nhiều hơn cùng với sự năng động, chủ động theo nhu cầu tự thân của cả hai phía, về phía nhà nước cần có điều chỉnh chính sách đối với tôn giáo theo hướng thông thoáng hơn, tạo cơ hội cho tôn giáo và khoa học trước hết là khoa học giáo dục được tiếp cận với tôn giáo thông qua tiếp xúc tiếp thu những giá trị tốt lành của tôn giáo ngày một nhiều và thực chất nhiều hơn như vốn có của tôn giáo- Phật giáo.

3.2.6. Nội dung tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học.

Trong nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học thì việc nhận diện nội dung tương tác là nhiệm vụ quan trọng. Đề tài đã được nghiên cứu sinh dành khá nhiều sự quan tâm cho nhận diện này.

Hai cuộc trao đổi khoa học trực tiếp của NCS với hội đồng giáo dục nhà trường của hai Học viện Phật giáo tại Hà Nội và Học viện thành phố Hồ Chí Minh cùng với thực hiện phiếu khảo sát đã cho khá nhiều thông tin xung quanh nội dung tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học.

Một số ý kiến cho rằng xem xét nội dung tương tác này phải căn cứ vào hàm lượng khoa học mà hai phía chấp nhận nhau, với lý giải triết lý Phật giáo xem xét cho đến rồi rảo là khoa học sống mà nhiều lĩnh vực khoa học hiện đại chuyên sâu quan tâm dưới những chuyên ngành khác nhau.

Nhóm ý kiến khác cho rằng chuẩn mực cộng đồng tương tác với triết lý Phật giáo thì khoa học có lợi hơn vì triết lý Phật giáo là một khoa học không cần chỉnh sửa. Với triết lý Phật giáo đã có chỉ cần khoa học nhìn nhận đúng và thể hiện đúng là được.

Có nhóm ý kiến cho rằng chuẩn mực cộng đồng khoa học hiện nay ở Việt Nam cần phải đưa thế giới quan Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học để hạn chế tính siêu hình và duy tâm. Thực tế xã hội hiện đại mà quá nhiều duy tâm và thiên hướng khoa học ủng hộ cho tìm tới duy tâm tuy không công khai cụ thể nhưng ngầm ngầm chỗ này chỗ khác từ hiểu không thấu đáo, giải quyết không triệt để vô tình kéo xã hội vào tò mò, mê hoặc nhau vì khoa học nửa vời, trong khi triết lý Phật giáo với thế giới quan riêng đã giải quyết vấn đề từ rất lâu thì khoa học không nghiên cứu, không đi sâu để làm căn cứ cho giải quyết các vấn đề hiện tại của xã hội.

Qua hai cuộc trao đổi với các nhà tri thức Phật giáo số đông các ý kiến điều đồng tình về nội dung tương tác giữa triết lý và chuẩn mực cộng đồng khoa học là những giá trị và chuẩn mực đạo đức, thành tố tương thích có ở cả hai phía của tương tác. Triết lý Phật giáo được thể hiện ở nhiều những vấn đề khác nhau nhưng phần trọng tâm nhất vẫn là đề cập tới chuẩn mực của Đạo đức con người để hướng con người tới xây

dựng xã hội an lạc và giúp con người thoát khỏi khổ đau.

Qua thăm dò từ phiếu khảo sát xã hội học nội dung tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học ở ba nội dung cho kết quả:

- a. Tương tác tri thức khoa học $25/144=17,4\%$
- b. Tương tác chuẩn mực đạo đức $144/144 = 100\%$
- c. Tương tác ở thế giới quan $15/144 = 10.5\%$

Kết quả khảo sát cho thấy nội dung tương tác được chính những người hiểu triết lý Phật giáo làm khoa học khẳng định tuyệt đối là đạo đức. Đạo đức là tiêu chí quan trọng của chuẩn mực khoa học, Đạo đức cũng là cốt tủy của triết lý Phật giáo. Trong quá trình tương tác của hai chủ thể độc lập là triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học có thể tùy thời gian, nhu cầu biểu hiện vì những mục tiêu thể hiện khác nhau mà tương tác lựa chọn nội dung. Song nội dung nào cũng hướng tới chuẩn mực đạo đức.

3.2.7. Đánh giá về mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học.

Nhận diện về mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học đã khó bởi vì chưa có quy chuẩn nhận diện cụ thể, mặt khác triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học không tương thích, không đồng nhất. Mỗi một sự quan tâm có thể nhìn nhận mối tương tác của hai chủ thể này ở những khía cạnh khác nhau với cách lý giải từ nhãn quan khoa học chuyên biệt khác nhau.

Song nhờ có nét chung là khai thác nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học là các cá nhân làm trong môi trường Phật giáo mà đã có được sự thống nhất khá cao trong nhìn nhận, lựa chọn và đồng thuận.

Đối với đánh giá mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học so với nhận diện mối tương tác đó khó khăn không kém do tiêu chí đánh giá, bộ công cụ đo lường cho đánh giá, chỉ số xác định để đánh giá, thang bậc đánh giá, ... Là những vấn đề không đơn giản nếu không được xác định và thống nhất. Để có cơ sở cho việc đánh giá này nghiên cứu bước đầu dừng lại ở nhận định mang tính định tính như giới hạn ban đầu đã nêu, đồng thời các ý kiến tham gia đánh giá là những ý kiến tham gia dưới góc độ tham khảo để xây dựng chưa phải là những ý kiến kết luận, không thay đổi.

Trong đánh giá về mối tương tác của hai chủ thể trên, chủ yếu của nghiên cứu xem xét tương tác nhằm tác động thay đổi đối tượng tương tác, tương tác tác động để đối tượng tương tác thay đổi tích cực hơn, hay thay đổi kém đi. Nếu thay đổi có ảnh hưởng gì tới sự phát triển xã hội.

Như đã nêu nghiên cứu đánh giá về tương tác giữa hai chủ thể ít tương thích đồng thời sự chuyển biến sau tương tác lại không bộc lộ trực tiếp mà qua tương tác xã hội mới bộc lộ, nên đây là một nội dung không dễ trong đánh giá.

Để thực hiện việc đánh giá nghiên cứu sinh đã có trao đổi với cộng đồng khoa học Phật giáo ở hai Học viện và thực hiện khảo sát ở một số chỉ số mang tính định tính, cụ thể.

- a. Chuẩn mực cộng đồng khoa học sẽ được thực hiện tốt hơn khi có tương tác với triết lý Phật giáo (21/144 chiếm 14,5%)
- b. Chuẩn mực cộng đồng khoa học và triết lý Phật giáo không thay đổi sau khi tương tác: (11/144 chiếm 8%)
- c. Chuẩn mực cộng đồng khoa học kém hơn sau khi tương tác với triết lý Phật giáo: (0/144 chiếm 0%)
- d. Triết lý Phật giáo thay đổi sau khi tương tác với chuẩn mực cộng đồng khoa học: (0/144 chiếm 0%)
- e. Triết lý Phật giáo được xã hội biết tới nhiều hơn sau khi tương tác có hiệu quả đối với chuẩn mực

cộng đồng khoa học: (144/144 chiếm 100%)

Nhận diện này cho thấy, nhận thức về triết lý Phật giáo và chuẩn mực của cộng đồng khoa học là khá rõ ràng ở câu c, d, e. Tuy nhiên ở nội dung a và b lại có nhận diện khác nhau, giải thích về sự khác biệt này Thượng tọa tiến sĩ Thích Nguyễn Đạt dạy tại Học viện Phật giáo ở Hà Nội cho rằng: Kết quả nhận diện qua điều tra xã hội học ở câu a và b cho con số như thế xuất phát từ thiện tiến hoạt động Phật giáo và hoạt động khoa học, giáo dục trong giai đoạn vừa qua ở Việt Nam. Phật giáo có vị thế và ảnh hưởng rất lớn trong đời sống xã hội nhưng chuẩn mực cộng đồng khoa học nói chung ở Việt Nam có vấn đề: Đạo văn, bằng cấp giả, điểm giả, học giả ... và dường như không có suy giảm khi mà pháp luật và các cơ quan liên quan càng tỏ ra quyết liệt thì lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học càng tinh vi và vi phạm nhiều hơn.

Rõ ràng đây là một trong những vấn đề nhức nhối đặt ra cần phải có giải pháp thỏa đáng hơn để giải quyết lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học.

Và để tìm hiểu nhận thức trong vấn đề này, qua cộng đồng khoa học Phật giáo, nghiên cứu sinh đã thực hiện một số, chỉ số khảo sát, kết quả qua biểu đồ số 08.

Từ kết quả khảo sát cho thấy quy định cho chuẩn mực cộng đồng ngày một chặt chẽ, tiến bộ nhưng đạo đức xuống cấp thì quy định sẽ bị vi phạm đạo đức xã hội xuống cấp đã là sự nguy hại, đạo đức cộng đồng khoa học xuống cấp xã hội càng nguy hại hơn. Đây đang là vấn nạn đặt ra cho xã hội nói chung và cộng đồng khoa học nói riêng.

3.2.8 Sự cần thiết của triết lý Phật giáo với chuẩn mực của cộng đồng khoa học

Trong bối cảnh xã hội đạo đức có chiều hướng sa sút đến mức chuẩn mực cộng đồng khoa học cũng bị vi phạm, đạo đức khoa học cũng bị xem nhẹ thì việc chấn chỉnh đạo đức là việc làm hết sức cần thiết và quan trọng trong yêu cầu xây dựng xã hội mới tốt đẹp.

Từ xa xưa cha ông ta đã dạy đạo đức là gốc để làm người. Bác Hồ đã nói: “Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”

Đù thấy đức hay đạo đức của con người quan trọng tới mức nào. Để cuộc sống xã hội tốt đẹp theo đúng nghĩa làm người, mỗi con người sống phải thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức thì:

- Thứ nhất giá trị đạo đức phải phù hợp với cuộc sống tốt đẹp, vì cuộc sống tốt đẹp của mọi người;
- Thứ hai, chuẩn mực đạo đức hay hệ thống các nguyên tắc sống phải rõ ràng, cụ thể và vì hạnh phúc chung của xã hội;
- Thứ ba: Động lực thực hiện đạo đức (thôi thúc nội tâm với mỗi con người) phải trở thành cái riêng của mỗi con người trong xã hội để cùng nhau tự giác thực hiện để phấn đấu vì mục tiêu chung của xã hội và mỗi con người.

Đạo đức làm người phải trở thành giá trị, chuẩn mực và động lực linh thiêng ở mỗi con người xã hội thì khi đó xã hội mới mong có hệ đạo đức. Đối với cộng đồng khoa học nói riêng và xã hội nói chung đạo đức là gốc để duy trì và phát triển tốt đẹp. Trong bối cảnh đạo đức xuống cấp như gần đây thì việc tương tác giữa chuẩn mực đạo đức cộng đồng khoa học, xã hội với triết lý Phật giáo là điều hết sức cần thiết.

Như đã trình bày ở trên triết lý Phật giáo là hệ thống khoa học về giá trị làm người và chuẩn mực làm người hạnh phúc xa tránh khổ đau. Trong hệ thống giá trị đó đạo đức là cốt lõi, chuẩn mực đạo đức, động cơ đạo đức được thể hiện khá cụ thể rõ ràng.

Nhận diện về lĩnh vực này cộng đồng khoa học Phật giáo Việt Nam đã thể hiện qua kết quả khảo sát xã hội học.

Tiểu kết

Chương 3 đã giải quyết nhận diện mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học thông qua nghiên cứu, khảo sát cộng đồng khoa học Phật giáo ở hai trung tâm đào tạo Phật học lớn nhất Việt Nam là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội và TP.HCM, nghiên cứu đã cho thấy:

Triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học có mối tương tác nhau, thông qua đời sống tôn giáo mà triết lý tôn giáo có ảnh hưởng tới đạo đức cá nhân khoa học và ảnh hưởng tới tiêu chí xây dựng chuẩn mực cộng đồng khoa học. Với hai thực thể tính tương thích không nhiều thì đạo đức là tiêu chí chính. Triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học được tương tác qua nhiều hình thức khác nhau với những nội dung khác nhau theo hoàn cảnh và môi trường cụ thể cho phép. Tuy nhiên thực tế hiện nay ở xã hội Việt Nam môi trường cho tương tác của triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học còn có không ít trở ngại. Khi luật pháp nhà nước không cho phép đưa giảng dạy tôn giáo vào hệ thống giáo dục quốc dân. Một số hoạt động tôn giáo vì lợi ích phúc lợi xã hội như giáo dục, y tế quy định của luật pháp còn có hạn chế thì tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực cộng đồng khoa học còn khoảng cách. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi tôn giáo với những giá trị đạo đức, văn hóa trở thành những nền tảng cốt lõi ở nhiều xã hội thậm chí cả cộng đồng Liên hợp quốc thì triết lý Phật giáo có ý nghĩa rất lớn trong giải quyết đạo đức lối sống xã hội đặc biệt là chỉnh sai phạm trong chuẩn mực cộng đồng khoa học nhằm thực hiện một cộng đồng có chuẩn mực tốt nhất để xây dựng xã hội tốt đẹp vì hạnh phúc của mỗi con người, vì phát triển bền vững của đất nước trong thế giới hòa bình.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG THỰC HÀNH CHUẨN MỤC CỦA CỘNG ĐỒNG KHOA HỌC THEO TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO

Mục tiêu xây dựng giải pháp

- Xây dựng giải pháp hướng đến hai mục tiêu chính như sau:
- Nâng cao nhận thức cho những người làm khoa học về chuẩn mực khoa học, những giá trị triết lý

Phật giáo.

- Nâng cao năng lực cho những người làm khoa học để hạn chế hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học.

4.1. Một số căn cứ xây dựng giải pháp

4.1.1. Chuẩn mực chung của cộng đồng khoa học

Để đánh giá một cách chung nhất về các chuẩn mực khoa học, nghiên cứu tiếp cận trên quan điểm của Nguyễn Văn Tuấn (2008) đưa ra 6 nguyên tắc như sau:

- Nguyên tắc thứ nhất là thành thật tri thức (intellectual honesty).
- Nguyên tắc thứ hai là cẩn thận.
- Nguyên tắc thứ ba là tự do tri thức.
- Nguyên tắc thứ tư là cởi mở và công khai.
- Nguyên tắc thứ năm là ghi nhận những đóng góp của các nhà khoa học đi trước và tuyệt đối không lấy nghiên cứu của người khác làm thành tích của mình.
- Nguyên tắc thứ sáu là trách nhiệm trước công chúng.

4.1.2. Các hành vi lệch chuẩn trong hoạt động khoa học

Người làm khoa học có thể lệch chuẩn do vô tình hoặc cố ý, cũng có thể do trình độ của phương tiện và phương pháp nghiên cứu. Có bốn loại lệch chuẩn sau theo Vũ Cao Đàm (2008):

- Lệch chuẩn nhận thức.
- Lệch chuẩn kỹ thuật.
- Lệch chuẩn xã hội.
- Lệch chuẩn đạo đức.

Các dạng lệch chuẩn sẽ là một trong những cơ sở giúp cho việc xây dựng giải pháp ngăn ngừa hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học hiện nay.

4.1.3. Một số giá trị đạo đức trong triết lý của Phật giáo

Trong khi đó một số giá trị đạo đức trong triết lý Phật giáo cũng có sự tương đồng với những giá trị chuẩn mực xã hội nói chung và chuẩn mực của cộng đồng khoa học nói riêng:

- Tứ diệu đế
- Bát chánh đạo
- Thuyết luân hồi
- Luật nhân quả- nghiệp báo
- Thuyết duyên khởi

Nội dung cụ thể của các triết lý Phật giáo nêu trên đã được phân tích rõ trong phần cơ sở lý luận. Đây là một cơ sở căn cứ để đề xuất giải pháp.

4.1.4. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng đạo đức của người làm công tác khoa học

Kinh nghiệm của Hungary: Hungary hiện có 3 cơ quan được phân cấp tham gia quản lý nguồn vốn này

tùy theo các mức độ, tầm quan trọng của nhiệm vụ, Chính phủ Hungary đã thực hiện phương án thống nhất về tổ chức và cách làm của các cơ quan trên.

Kinh nghiệm của Trung Quốc: Trung Quốc nghiên cứu thực hiện một số giải pháp:

- Hiệp hội Khoa học Trung Quốc sẽ xây dựng hồ sơ học thuật. Khi nhận được tố cáo, Hiệp hội khoa học sẽ ủy thác cho các hội, các tổ chức hoặc bộ môn liên quan điều tra thực tế và đề xuất ý kiến xử lý.
- Tăng cường giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tinh thần học thuật cố gắng tạo môi trường học thuật lành mạnh.
- Thực hiện tách rời quyền lực học thuật và quyền lực hành chính.
- Nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện những nội dung pháp luật trừng trị hiện tượng tiêu cực.
- Tăng cường quy trình giám sát quản lý kiểm toán.

4.1.5. Luật khoa học Công nghệ

Luật KH&CN (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2013 với nhiều nội dung mang tính đột phá. Góp phần làm căn cứ giúp cho việc xây dựng giải pháp ngăn ngừa hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học hiện nay.

4.1.6. Luật sở hữu trí tuệ.

Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện hệ thống quản lý quyền sở hữu trí tuệ, với những điểm mới này, chỉ cần một tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu đã có thể bị xử phạt hành chính mà không cần chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải có bất kỳ khuyến cáo nào từ chủ thể mang quyền hay chủ sở hữu đối tượng sở hữu trí tuệ.

4.1.7. Kết quả khảo sát đề tài

Ngoài những căn cứ kể trên, còn phải kể đến kết quả khảo sát của nghiên cứu để hướng đến xây dựng giải pháp.

- Kết quả chỉ ra rằng, giảng viên, nghiên cứu viên và tăng ni sinh nhận thức khá rõ về những chuẩn mực khoa học được nghiên cứu đề cập đến. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận còn có nhận thức chưa phù hợp về những chuẩn mực khoa học. Vì vậy, giải pháp cần nâng cao nhận thức cho họ về những chuẩn mực khoa học.

- Nhóm nghiên cứu viên, giảng viên và tăng ni sinh trong mẫu khảo sát có xu hướng vi phạm những chuẩn mực của cộng đồng khoa học ở mức thỉnh thoảng. Cần có những biện pháp giảm tình trạng này.

4.2. Một số giải pháp hình thành chuẩn mực của cộng đồng khoa học

4.2.1. Nhóm giải pháp khuyến khích, khen thưởng

Nhóm giải pháp này tập trung vào vấn đề xây dựng văn bản hướng dẫn, thực hiện, những triết lý Phật giáo về hoạt động khoa học. Trong đó có quy định về những khuyến khích, khen thưởng đối với những người thực hiện tốt các chuẩn mực khoa học, có những đóng góp về mặt khoa học đối với cộng đồng. Có thể lồng ghép trong đó những triết lý Phật giáo để người ta tin tưởng, làm theo mang tính đào tạo, đảm bảo triết lý Phật giáo.

4.2.2. Nhóm giải pháp xử lý khi có vi phạm

4.2.2.1. Giải pháp phát hiện, can thiệp, xử lý đối với những vi phạm trong cộng đồng khoa học

Có thể đưa ra một số biện pháp cụ thể sau:

Về cách thức đánh giá cần có một cơ chế có hiệu quả để phân tích phản biện các kết quả nghiên cứu, giảm thiểu những mặt hạn chế của hệ thống đánh giá hiện nay đặc biệt là những ngành khoa học xã hội còn

thiếu tính cụ thể về chỉ báo, mang nặng những chỉ báo định tính, thiếu những chỉ báo chặt chẽ về phương pháp luận. Cần có những phương pháp đánh giá khách quan, sát thực kết quả nghiên cứu.

Về mặt pháp lý, cần có những đạo luật quy định cụ thể mọi kết quả nghiên cứu đều được quyền công bố dưới mọi hình thức thích hợp, như công bố thông qua các xuất bản phẩm công khai hoặc không công khai. Và công khai cho cộng đồng xã hội có thể có những ý kiến phản hồi khi phát hiện. Đối với các trường hợp phát hiện vi phạm cần có sự kiểm tra, giám sát và công bố công khai khi có kết quả điều tra. Đồng thời những người vi phạm bị xử lý nghiêm, có một thể chế rõ ràng. Cũng cần xây dựng tính liêm chính trong khoa học, trong đó quy định những quy định về trích dẫn khoa học.

Việc kiểm soát hiện nay có thể được kiểm soát bằng phần mềm. Hiện nay có thể dùng phần mềm như Turnitin (www.turnitin.com) để phát hiện và quản lý gian lận trong các trường đại học/ tổ chức.

Bên cạnh đó, là đó việc bảo mật thông tin và quyền sở hữu đối với các công trình nghiên cứu hiện nay của các tác giả. Cần có sự kiểm soát thông tin trên mạng internet tránh việc mua bán tài liệu trên mạng về các luận văn, luận án, các công trình nghiên cứu một cách dễ dàng.

4.2.2.2. Giải pháp tổ chức và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ

Giải pháp đặt ra là cần có hoạt động tổ chức và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ nhằm bổ sung, khai thác, sử dụng nguồn tin khoa học công nghệ một cách hiệu quả đối với xã hội nói chung và cộng đồng những người làm khoa học nói riêng.

4.2.3. Nhóm giải pháp giáo dục, tuyên truyền

4.2.3.1. Giải pháp về nâng cao nhận thức cho những người làm khoa học

Có thể thấy, bất cứ chương trình can thiệp phòng ngừa nào đều bắt nguồn từ nhận thức để đảm bảo các đối tượng cần can thiệp có thể nhìn nhận đúng và rõ vấn đề. Chính vì vậy, giảng viên, nghiên cứu viên và tăng ni sinh đều phải nhận thức được về các chuẩn mực khoa học và các hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học. Những người làm khoa học mà cụ thể ở đây là nhóm giảng viên, nghiên cứu viên, những Tăng, ni, sinh đang học tập cần được nâng cao nhận thức để có thể nhận diện được các vấn sai lệch, cách thức để tránh mắc phải những vấn đề sai lệch.

Đối với các trường, viện, tổ chức nghiên cứu khoa học cần có những quy định và tạo ra một môi trường thúc đẩy văn hóa khoa học. Cần xây dựng yêu cầu bắt buộc về việc tham dự lớp học về đạo đức trong cộng đồng khoa học đối với những người làm nghiên cứu khoa học. Điều này được thực hiện ngay từ khi còn trên ghế nhà trường, đưa vào chương trình giảng dạy đối với sinh viên.

Nhận thức đối với chuẩn mực khoa học: Đạo đức khoa học là một vấn đề quan trọng và cơ bản trong các lĩnh vực nói chung và trong nghiên cứu khoa học nói riêng. Các nội dung cần được chú trọng bao gồm:

Nguyên tắc thứ nhất là *trung thực tri thức* (intellectual honesty).

Nguyên tắc thứ hai là *cẩn thận*.

Nguyên tắc thứ ba là *tự do tri thức*.

Nguyên tắc thứ tư là *cởi mở và công khai*.

Nguyên tắc thứ năm là *ghi nhận* những đóng góp của các nhà khoa học đi trước và tuyệt đối không lấy nghiên cứu của người khác làm thành tích của mình.

Nguyên tắc thứ sáu là *trách nhiệm trước cộng đồng*.

Đối với những tin tưởng vào đạo Phật trong quá trình giảng dạy về những giá trị triết lý của Phật giáo cần được liên hệ với những giá trị chuẩn mực của cộng đồng khoa học để khuyến khích và nâng cao nhận thức cho họ. Đây cũng chính là trách nhiệm của Phật giáo đối với văn hóa.

Quan trọng hơn nữa là nêu cao danh dự và phẩm chất của người làm khoa học, xây dựng văn hóa khoa học để phòng ngừa các hành vi sai lệch.

4.2.3.2. Giải pháp về năng cao năng lực cho người làm khoa học để tránh những biểu hiện sai lệch.

Bên cạnh việc nâng cao nhận thức cho người làm khoa học còn đòi hỏi nâng cao năng lực để có thể phòng ngừa. Điều này thực sự cần thiết đặc biệt đối với nghiên cứu khoa học xã hội. Trong thực tế, có thể những người làm khoa học họ nhận thức được có những biểu hiện về sao chép, đạo văn hay những biểu hiện khác trong hoạt động khoa học là chưa phù hợp nhưng chính bản thân họ không biết cách nào để tránh những việc đó. Chính vì vậy, cần trang bị cho họ những kỹ năng trong việc phòng tránh những hành vi sai lệch.

Bên cạnh chiều cạnh về kiến thức, kỹ năng năng lực còn bao gồm thái độ. Cần nêu cao ý thức, thái độ đối với những người làm khoa học. Bởi nếu họ có ý thức tốt sẽ làm giảm sai lệch.

4.2.3.3. Giải pháp giao lưu và sinh hoạt học thuật

Hiện nay các trường và các viện đều có sự kết hợp hai nhiệm vụ đó là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đây là hai hoạt động có mối quan hệ hữu cơ, là một trong những biện pháp quan trọng, cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội và tạo môi trường sinh hoạt khoa học, tiền đề cho các đề tài nghiên cứu khoa học. Để thực hiện được mục đích này một hoạt động không thể thiếu đó là tổ chức các buổi giao lưu và sinh hoạt học thuật. Đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm và có những trao đổi giữa những người làm khoa học.

Tiểu kết

Chương 4 tập trung vào đề xuất một số giải pháp trong việc làm giảm các hành vi sai lệch chuẩn mực khoa học đối với các nhóm khách thể giảng viên, nghiên cứu viên, tăng, ni sinh. Mục tiêu giải pháp được đề cập cụ thể. Các căn cứ để xây dựng giải pháp cũng được đề cập đến trong chương 4 bao gồm: Căn cứ từ kinh nghiệm quốc tế, từ những triết lý Phật giáo, từ những chuẩn mực khoa học, những biểu hiện sai lệch hành vi lệch chuẩn, một số quy định trong Luật khoa học công nghệ, Luật sở hữu trí tuệ và từ chính kết quả nghiên cứu của luận án. Từ đó, ba nhóm giải pháp được xây dựng: 1/ Nhóm giải pháp liên quan đến khuyến khích, khen thưởng; 2/ Nhóm giải pháp liên quan đến can thiệp, xử lý khi có những hành vi sai lệch; 3/ Nhóm giải pháp liên quan đến giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, năng lực cho giảng viên, nghiên cứu viên, tăng ni sinh nhằm giảm thiểu hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, có thể tóm tắt ở một số phát hiện chính như sau:

Trước tiên về mặt lý thuyết, nghiên cứu đã góp phần làm rõ được một số khái niệm: “Triết lý Phật giáo”, “chuẩn mực khoa học”, “lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học”, “mối tương tác giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học. Bên cạnh đó là lý thuyết kiểm soát xã hội và lý thuyết sai lệch xã hội. Lý thuyết góp phần lý giải về những biểu hiện sai lệch trong cộng đồng khoa học. Điều đó đã góp phần cung cấp những tri thức mới về mặt lý thuyết trong nghiên cứu.

Về kết quả thực nghiệm, đã cho thấy:

- Nhóm giảng viên, nghiên cứu sinh có sự hiểu biết khoa học nên niềm tin vào Phật giáo cần có cơ sở nhiều hơn so với tăng, ni sinh. Tăng, ni sinh có niềm tin tuyệt đối vào đạo Phật. Kết quả này cũng phản ánh đúng thực tế về niềm tin với các nhóm đối tượng.

- Tính trung thực và tính trách nhiệm là những giá trị đạo đức trong cộng đồng khoa học rất được đề cao. Bởi sự trung thực trong nghiên cứu khoa học được coi là một trong những thước đo quan trọng đánh giá chất lượng công trình khoa học cũng như năng lực và phẩm chất của nhà khoa học. Giá trị được coi trọng đầu tiên trong nghiên cứu khoa học theo quan điểm của giảng viên, nghiên cứu sinh và tăng ni đó là “Thành thật với tri thức không gian lận”, tiếp đến là “Trách nhiệm trước công chúng” và “Cẩn thận, tránh những sai sót trong hoạt động khoa học”.

- Giảng viên, nghiên cứu sinh và tăng ni sinh nhận thức khá rõ về những chuẩn mực khoa học được nghiên cứu đề cập đến. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận còn có nhận thức chưa phù hợp về những chuẩn mực khoa học. Không phải tất cả những người tham gia khảo sát đều biết đạo văn. Và không phải những người biết đến đạo văn có thể hiểu rõ được hết các dạng thức của đạo văn, đặc biệt là nhóm đối tượng tăng, ni sinh mới tiếp cận với khoa học.

- Nhìn chung nhóm giảng viên, nghiên cứu sinh và tăng ni sinh có nhận thức tương đối tốt về những giá trị nghề nghiệp. Một số ảnh hưởng của giá trị Phật giáo đối với cộng đồng khoa học cũng được đề cập đến trong chương này và một số những tương đồng giữa triết lý Phật giáo và chuẩn mực khoa học được phân tích. Đây cũng là những cơ sở để xây dựng một số giải pháp làm giảm sai lệch trong cộng đồng khoa học.

- Ba nhóm giải pháp được xây dựng: 1/ Nhóm giải pháp liên quan đến khuyến khích, khen thưởng; 2/ Nhóm giải pháp liên quan đến can thiệp, xử lý khi có những hành vi sai lệch; 3/ Nhóm giải pháp liên quan đến giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, năng lực cho giảng viên, nghiên cứu viên, tăng ni sinh nhằm giảm thiểu hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học

2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả và những giới hạn của nghiên cứu, có thể đề xuất một số khuyến nghị sau đây:

2.1. Khuyến nghị về mặt khoa học

- Cần tập trung vào một số hướng nghiên cứu sau để cung cấp thêm tri thức mới, lĩnh vực nghiên cứu mới:

- Mở rộng phạm vi về mặt không gian nghiên cứu liên quan đến chủ đề chuẩn mực cộng đồng khoa học, triết lý Phật giáo để có kết quả và cái nhìn khái quát hơn trong vấn đề này.

- Nghiên cứu sâu hơn về các yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến hành vi lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học, chính sách pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo, yếu tố kinh tế, văn hóa,....

2.2. Khuyến nghị về mặt thực tiễn

Để giảm thiểu các biểu hiện sai lệch trong cộng đồng khoa học có thể đưa ra một số gợi ý như sau:

Đối với các cơ sở viện Phật giáo

- Cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho tăng ni sinh đang theo học về những chuẩn mực trong cộng đồng khoa học, những biểu hiện của hành vi lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học.

- Trong quá trình học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, thực hiện luận văn, luận án cần có những hướng dẫn cụ thể để tránh những biểu hiện sai lệch trong cộng đồng khoa học.

- Cần khuyến khích, động viên đối với những học viên có thành tích, đóng góp và thực hiện tốt đạo đức, chuẩn mực khoa học.

- Cần xử lý nghiêm đối với các biểu hiện hành vi sai lệch cộng đồng khoa học trong quá trình học tập, thực hiện luận văn, luận án, bài tập.

Đối với tăng ni sinh, giảng viên, nghiên cứu sinh

- Cần nâng cao nhận thức cho bản thân về đạo đức nghề nghiệp, những chuẩn mực trong cộng đồng khoa học, những hành vi lệch chuẩn trong cộng đồng khoa học.

- Cần nâng cao năng lực cho bản thân về kiến thức, kỹ năng và thái độ nhằm hạn chế những hành vi sai lệch trong cộng đồng khoa học.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN**

1. Đào Thị Mỹ Dung (2019), “Nhận thức của giảng viên, nghiên cứu sinh và Tăng ni sinh về chuẩn mực của khoa học”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, T.V (2b), CHAR tr.339-349.
2. Dung Dao Thi My (2020), “Proposing solutions to prevent standard deviations in the scientific community on the basic of combined Buddhist philosophy and scientific standards”, *International Journal of Science and Research (IJSR)*, ISSN: 2319-7064, Vol 9 (12), pp.342-346